

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	04-05
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	06-07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	08-30

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>47,771,316,633</b>	<b>35,427,746,875</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4,255,259,378</b>	<b>4,117,333,209</b>
1. Tiền	111		4,255,259,378	4,117,333,209
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>362,000,000</b>	<b>362,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		362,000,000	362,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30,784,092,893</b>	<b>14,486,598,106</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	29,272,717,240	10,692,101,626
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1,511,375,653	3,794,496,480
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>10,501,661,974</b>	<b>13,592,308,243</b>
1. Hàng tồn kho	141		10,501,661,974	13,592,308,243
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1,868,302,388</b>	<b>2,869,507,317</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1,868,302,388	2,488,082,836
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	381,424,481
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>148,783,707,316</b>	<b>141,988,982,931</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>85,606,068,882</b>	<b>87,796,606,145</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	85,606,068,882	87,796,606,145
- Nguyên giá	222		102,512,396,967	101,149,229,132
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16,906,328,085)	(13,352,622,987)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1,342,744,241</b>	<b>360,636,240</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1,342,744,241	360,636,240
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>60,100,000,000</b>	<b>51,700,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		60,100,000,000	51,700,000,000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,734,894,193</b>	<b>2,131,740,546</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1,734,894,193	2,131,740,546
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>196,555,023,949</b>	<b>177,416,729,806</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>73,347,912,742</b>	<b>60,935,315,778</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>68,754,895,242</b>	<b>53,338,066,588</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	24,657,715,758	15,898,642,821
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	1,063,079,029	734,795,340
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	6,429,288,126	3,191,914,731
4. Phải trả người lao động	314		1,627,073,092	962,100,158
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1,166,112,141	1,333,902,017
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	544,769,915	516,486,427
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	32,700,765,881	30,700,225,094
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		566,091,300	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4,593,017,500</b>	<b>7,597,249,190</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	4,593,017,500	7,597,249,190
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>123,207,111,207</b>	<b>116,481,414,028</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>123,207,111,207</b>	<b>116,481,414,028</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80,000,000,000	80,000,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,698,273,899	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41,508,837,308	36,481,414,028
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		34,217,048,829	25,159,588,034
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7,291,788,479	11,321,825,994
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>196,555,023,949</b>	<b>177,416,729,806</b>

Lại Thị Thu Hà  
Người lập

Nguyễn Xuân Trường  
Kế toán trưởng

Lê Đức Thuận  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày tháng năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
 Phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
 Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		MÃ SỐ B 02-DN	
			Năm 2020	Năm 2019	Đơn vị: VND	Đơn vị: VND
			VND	VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	77,795,869,051	62,578,283,709	102,480,966,004	90,275,731,914
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	457,268,409	84,410,813	913,225,124	128,388,566
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		77,338,600,642	62,493,872,896	101,567,740,880	90,147,343,348
4. Giá vốn hàng bán	11	21	60,216,096,009	48,749,549,921	76,950,731,458	70,524,825,177
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		17,122,504,633	13,744,322,975	24,617,009,422	19,622,518,171
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		28,831,111	505,074	29,292,772	652,320
7. Chi phí tài chính	22	22	866,818,222	574,354,313	1,678,602,710	1,179,536,108
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		856,416,929	573,126,916	1,668,201,417	1,091,063,520
8. Chi phí bán hàng	25	23	4,696,779,520	1,868,134,569	7,684,380,534	4,866,957,076
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	3,067,612,408	2,384,940,361	5,919,208,351	3,043,259,062
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		8,520,125,594	8,917,398,806	9,364,110,599	10,533,418,245
11. Thu nhập khác	31		-	-	-	272,007
12. Chi phí khác	32		85,500,000	-	199,500,000	30,122,023

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

MÃ SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
			Năm 2020	Năm 2019		
			VND	VND	VND	VND
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(85,500,000)	-	(199,500,000)	(29,850,016)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8,434,625,594	8,917,398,806	9,164,610,599	10,503,568,229
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	1,704,025,119	1,783,479,761	1,872,822,120	2,106,738,050
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		6,730,600,475	7,133,919,045	7,291,788,479	8,396,830,179



*Signature*

Lại Thị Thu Hà  
Người lập

Nguyễn Xuân Trường  
Kế toán trưởng

Lê Đức Thuận

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ đầu năm
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9,164,610,599	10,503,568,229
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		3,553,705,098	2,435,617,073
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(29,292,772)	-
- Chi phí lãi vay	06		1,668,201,417	1,091,063,520
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14,357,224,342	14,030,248,822
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(15,916,070,306)	(55,697,290,873)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3,090,646,269	5,143,901,474
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11,820,874,107	24,617,875,061
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,016,626,801	649,632,053
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1,668,201,417)	(1,092,290,917)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1,000,000,000)	(631,246,230)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(28,649,310)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(199,500,000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>11,501,599,796</b>	<b>(13,007,819,920)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,988,813,835)	(4,267,506,520)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(362,000,000)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8,400,000,000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		28,831,111	652,320
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(10,359,982,724)</b>	<b>(4,628,854,200)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ đầu năm
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		32,910,413,334	33,556,913,061
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(33,914,104,237)	(26,191,037,357)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(1,003,690,903)</i>	<i>7,365,875,704</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		137,926,169	(10,270,798,416)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4,117,333,209	12,433,933,131
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>4,255,259,378</u>	<u>2,163,134,715</u>

Lại Thị Thu Hà  
Người lập

Nguyễn Xuân Trường  
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 19 tháng 12 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 80.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 80,000,000,000 đồng; tương đương 8,000,000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các loại bánh.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mứt kẹo;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Chế biến Nông sản thực phẩm Hồng Hà	TP. Hà Nội	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất bánh kẹo

**2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

### ***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### ***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 44	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10	năm

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**Doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

***Các khoản giảm trừ doanh thu***

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

***Giá vốn hàng bán***

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

***Chi phí tài chính***

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	3,380,361,845	2,103,063,000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	874,897,533	2,014,270,209
	<b>4,255,259,378</b>	<b>4,117,333,209</b>

**6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>362,000,000</b>	<b>362,000,000</b>	<b>362,000,000</b>	<b>362,000,000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	362,000,000	362,000,000	362,000,000	362,000,000
	<b>362,000,000</b>	<b>362,000,000</b>	<b>362,000,000</b>	<b>362,000,000</b>

Tại 30/06/2020, khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng giá trị 362.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội với lãi suất 7,2%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>60,100,000,000</b>	-	<b>51,700,000,000</b>	-
Công ty TNHH Chế biến Nông Sản thực phẩm Hồng Hà	21,600,000,000	-	21,600,000,000	-
Công ty CP Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan	38,500,000,000	-	30,100,000,000	-
	<b>60,100,000,000</b>	-	<b>51,700,000,000</b>	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2020 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Chế biến Nông Sản thực phẩm Hồng Hà	Hà Nội	90.00%	90.00%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan	TP.Hồ Chí Minh	92.88%	94.56%	Sản xuất bánh kẹo



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	1,514,833,566	2,455,790,939
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	3,421,958,110	2,264,155,533
Nhà phân phối Bắc Ninh - Thương Dự	1,584,360,695	-
Chi nhánh Hải Phòng - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vcommerce	1,191,726,140	288,770,580
Các khoản phải thu khách hàng khác	21,559,838,729	5,683,384,574
	<b>29,272,717,240</b>	<b>10,692,101,626</b>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>7,398,270</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.)

**8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Quốc tế Thịnh Đạt	-	-	1,189,650,001	-
Công ty TNHH Chế biến Nông sản Thực phẩm Hồng Hà	-	-	950,000,000	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Phú Hưng Gia	575,607,887	-	575,607,887	-
Công ty TNHH Xây dựng và Công nghệ Quang Minh	-	-	498,185,078	-
Trả trước khác	935,767,766	-	581,053,514	-
	<b>1,511,375,653</b>	<b>-</b>	<b>3,794,496,480</b>	<b>-</b>
<b>Trả trước người bán là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>950,000,000</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.)

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6,070,746,622	-	7,245,224,168	-
Công cụ, dụng cụ	183,598,191	-	67,807,281	-
Thành phẩm	167,820,642	-	46,378,435	-
Hàng hoá	4,079,496,519	-	6,232,898,359	-
	<b>10,501,661,974</b>	<b>-</b>	<b>13,592,308,243</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BÁO NGỌC**

Tòa nhà Báo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2020	35,023,197,308	57,720,056,371	7,080,090,908	1,025,454,545	300,430,000	101,149,229,132
Mua sắm	718,471,800	-	644,696,035	-	-	1,363,167,835
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>35,741,669,108</b>	<b>57,720,056,371</b>	<b>7,724,786,943</b>	<b>1,025,454,545</b>	<b>300,430,000</b>	<b>102,512,396,967</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2020	3,549,717,066	7,732,973,411	1,874,727,632	148,937,728	46,267,150	13,352,622,987
Trích khấu hao	999,611,730	1,947,909,504	505,082,544	96,016,308	5,085,012	3,553,705,098
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>4,549,328,796</b>	<b>9,680,882,915</b>	<b>2,379,810,176</b>	<b>244,954,036</b>	<b>51,352,162</b>	<b>16,906,328,085</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2020	31,473,480,242	49,987,082,960	5,205,363,276	876,516,817	254,162,850	87,796,606,145
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>31,192,340,312</b>	<b>48,039,173,456</b>	<b>5,344,976,767</b>	<b>780,500,509</b>	<b>249,077,838</b>	<b>85,606,068,882</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1,364,407,711	2,088,928,494
Chi phí bảo hiểm	11,374,284	39,605,373
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	55,415,063	159,250,724
Chi phí trang phục, bảo hộ	46,670,978	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	390,434,352	200,298,245
	<b>1,868,302,388</b>	<b>2,488,082,836</b>
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1,479,801,047	1,898,461,061
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	63,147,071	44,213,557
Chi phí trả trước dài hạn khác	191,946,075	189,065,928
	<b>1,734,894,193</b>	<b>2,131,740,546</b>

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Chế biến Nông sản Thực phẩm Hồng Hà	3,476,798,422	3,476,798,422	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hà Lan	10,508,924,850	10,508,924,850	5,395,203,235	5,395,203,235
Công ty TNHH Thực phẩm Bột mì CJ Việt Nam	-	-	3,606,097,000	3,606,097,000
Công ty TNHH Sản xuất Bột Mỳ Vimaflour	2,765,446,888	2,765,446,888	276,100,000	276,100,000
Các khoản phải trả khác	7,906,545,598	7,906,545,598	6,621,242,586	6,621,242,586
	<b>24,657,715,758</b>	<b>24,657,715,758</b>	<b>15,898,642,821</b>	<b>15,898,642,821</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>5,098,224,262</b>	<b>5,098,224,262</b>	<b>358,750</b>	<b>358,750</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.)*



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Á Long	-	348,112,440
Công ty Cổ phần T-Martstores	143,039,974	143,039,974
Hệ thống Siêu thị T-Mart	319,566,000	-
Trả trước khác	600,473,055	243,642,926
	<b>1,063,079,029</b>	<b>734,795,340</b>
<b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>348,112,440</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.)***14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	308,755,253	2,509,353,582	253,144,667	2,564,964,168
Thuế TNDN	2,883,159,478	1,872,822,120	1,000,000,000	3,755,981,598
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đ	-	108,342,360	-	108,342,360
	<b>3,191,914,731</b>	<b>4,490,518,062</b>	<b>1,253,144,667</b>	<b>6,429,288,126</b>

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trích trước chi phí thường doanh số và hỗ trợ bán hàng	1,166,112,141	1,333,902,017
	<b>1,166,112,141</b>	<b>1,333,902,017</b>

**16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	427,211,653	428,624,468
Bảo hiểm y tế	79,778,672	50,827,365
Bảo hiểm thất nghiệp	37,779,590	21,742,220
Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	-	15,292,374
	<b>544,769,915</b>	<b>516,486,427</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Stt	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 30/06/2020	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>							
<b>1</b>	<b>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam</b>							
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 20,000,000,000/266/2019/HDCVHM/NHCT13	20,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	21,911,305,687	21,911,305,687	Hợp đồng thế chấp tài sản số 88/2019/HDBĐ/NHCT131-BAONGOC ngày 13 tháng 06 năm 2019.
<b>2</b>	<b>Ngân hàng TMCP Quân đội</b>							
	Hợp đồng cấp tín dụng số 54229.19.008.1516289.TD ngày 16 tháng 12 năm 2019.	5,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	04 tháng kể từ ngày giải ngân	7.80%	989,318,776	989,318,776	Tiền ký quỹ tại MB, hợp đồng tiền gửi, giấy tờ có giá do MB phát hành.
<b>3</b>	<b>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam</b>							
	Hợp đồng cấp tín dụng số 024/2020/HĐTD ngày 01 tháng 04 năm 2020	3,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	09 tháng kể từ ngày giải ngân	12.075%/năm	2,308,055,240	2,308,055,240	Không có
	<b>Tổng cộng vay ngắn hạn</b>					<b>25,208,679,703</b>	<b>25,208,679,703</b>	
<b>II</b>	<b>Vay dài hạn</b>							
<b>4</b>	<b>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam</b>							
	Hợp đồng số 576/2018/HDCVDADT/NHC T131-BN ngày 31 tháng 07 năm 2018.	1,500,000,000	Cấp tín dụng đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	36 tháng	Trong từng giấy nhận nợ	6,217,944,860	5,544,510,860	Hợp đồng thế chấp nhà ở gắn liền với đất và các hợp đồng thế chấp khác.
	Hợp đồng số 987/2019-HDCVDADT/NHCT131-BAONGOC ngày 26/12/2019.	2,000,000,000	Cấp tín dụng đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	24 tháng	8,5%/năm	1,398,509,000	932,400,000	Hợp đồng thế chấp tài sản số 88/2019/HDBĐ/NHCT131-BAONGOC ngày 08/03/2019.

Đơn vị tính: đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Stt	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 30/06/2020	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
	Hợp đồng số 268/2019-HDCVDADT/NHCT131-BAONGOC ngày 13/06/2019.	3,000,000,000	Thanh toán chi phí đầu tư dự án Sửa chữa nâng cấp cải tạo Tòa nhà Bảo Ngọc	24 tháng	8,5%/năm	2,873,458,610	2,873,458,610	Hợp đồng thế chấp tài sản số 88/2019/HDBD/NHCT131-BAONGOC ngày 08/03/2019.
	Các khoản vay trung và dài hạn khác	350.000.000 đến 1.872.200.000	Cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	36-60 tháng	8%-8,5%/năm	907,165,000	699,840,000	Tài sản hình thành từ vốn vay
<b>5</b>	<b>Ngân hàng TMCP Tiên Phong</b>					<b>27,833,318</b>	<b>27,833,318</b>	
	Giấy nhận nợ số 28_08.16/KUNN/LNH ngày 22 tháng 08 năm 2016.	668,000,000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	48 tháng	6,9%/năm	27,833,318	27,833,318	Theo hợp đồng đảm bảo số 10_08.2017/HDDDB/LNH ngày 22/08/2017
<b>6</b>	<b>Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam</b>					<b>669,400,000</b>	<b>151,200,000</b>	
	Hợp đồng số 1702-LAV-2017/00397 ngày 10 tháng 11 năm 2017.	1,060,000,000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	84 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	669,400,000	151,200,000	Tài sản hình thành từ vốn vay là xe ô tô Mercedes Benz, biển kiểm soát 30E-534.03
<b>7</b>	<b>Ngân hàng TMCP Quân Đội</b>					<b>5,169,925,500</b>	<b>1,768,542,000</b>	
	Hợp đồng số 7886.19.008.1516289.TD ngày 20 tháng 03 năm 2019.	861,280,000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	48 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	582,055,000	215,220,000	Tài sản hình thành từ vốn vay là xe ô tô Ford biển kiểm soát 29D-31599
	Hợp đồng số 9462.19.008.1516289.TD ngày 02 tháng 04 năm 2019.	1,807,000,000	Mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	48 tháng	Trong từng giấy nhận nợ	1,242,325,000	451,740,000	Hợp đồng tiền gửi số 21505.19.008.1516289.TG.DN - Tài sản hình thành từ vốn vay.
	Hợp đồng số 22980.19.008.1516289.TD ngày 21 tháng 06 năm 2019	640,900,000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	48 tháng	9%/năm	467,324,000	160,224,000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng số 26927.19.008.1516289.TD ngày 15 tháng 07 năm 2019	3,765,432,000	Mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	48 tháng	9,5%/năm	2,878,221,500	941,358,000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	<b>Tổng cộng vay dài hạn</b>					<b>12,085,103,678</b>	<b>7,492,086,178</b>	
	<b>Tổng cộng vay</b>					<b>37,293,783,381</b>	<b>32,700,765,881</b>	

*Đơn vị tính: đồng*

**MÃ SỐ B 09-DN**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Quý II năm 2020</b>				
Tại ngày 01/01/2020	80,000,000,000	-	36,481,414,028	116,481,414,028
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	7,291,788,479	7,291,788,479
Phân phối lợi nhuận	-	1,698,273,899	(2,264,365,199)	(566,091,300)
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>80,000,000,000</b>	<b>1,698,273,899</b>	<b>41,508,837,308</b>	<b>123,207,111,207</b>

Theo Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 02/2020/BN-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100.00%	11,321,825,994
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15.00%	1,698,273,899
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.00%	566,091,300
Chi trả cổ tức	35.33%	4,000,000,000
Lợi nhuận chưa phân phối	44.67%	5,057,460,795

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	30/06/2020 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Á Long	18.81%	15,050,000,000	18.81%	15,050,000,000
Ông Lê Đức Thuận	36.06%	28,850,360,000	36.06%	28,850,360,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Homeconstruct	5.88%	4,700,000,000	5.88%	4,700,000,000
Các cổ đông khác	39.25%	31,399,640,000	39.25%	31,399,640,000
	<b>100%</b>	<b>80,000,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>80,000,000,000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***d) Cổ phiếu**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8,000,000	8,000,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8,000,000	8,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	8,000,000	8,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8,000,000	8,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	8,000,000	8,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

**e) Các quỹ công ty**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1,698,273,899	-
	<u><b>1,698,273,899</b></u>	<u><b>-</b></u>

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Quý II năm 2020</u>	<u>Quý II năm 2019</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	61,101,891,485	40,720,503,016
Doanh thu bán hàng hóa	15,784,421,800	21,193,907,098
Doanh thu cung cấp dịch vụ	909,555,766	663,873,595
	<u><b>77,795,869,051</b></u>	<u><b>62,578,283,709</b></u>
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.)</i>	<u><b>62,701,749</b></u>	<u><b>-</b></u>

**20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Quý II năm 2020</u>	<u>Quý II năm 2019</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	5,446,630
Hàng bán bị trả lại	457,268,409	78,964,183
	<u><b>457,268,409</b></u>	<u><b>84,410,813</b></u>

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Quý II năm 2020</u>	<u>Quý II năm 2019</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	46,078,464,871	19,131,741,825
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14,137,631,138	29,527,377,370
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	90,430,726
	<u><b>60,216,096,009</b></u>	<u><b>48,749,549,921</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	856,416,929	573,126,916
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	10,401,293	1,227,397
	<b>866,818,222</b>	<b>574,354,313</b>

**23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	567,045	234,574,450
Chi phí nhân công	2,584,599,948	410,204,623
Chi phí khấu hao tài sản cố định	230,507,151	183,564,386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,364,762,101	633,041,555
Chi phí khác bằng tiền	516,343,275	406,749,555
	<b>4,696,779,520</b>	<b>1,868,134,569</b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	210,368,774	53,644,014
Chi phí nhân công	1,080,193,178	637,718,294
Chi phí khấu hao tài sản cố định	508,601,464	332,840,518
Thuế, phí, lệ phí	118,734,423	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,124,478,215	1,240,568,959
Chi phí khác bằng tiền	25,236,354	120,168,576
	<b>3,067,612,408</b>	<b>2,384,940,361</b>

**25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8,434,625,594	8,917,398,806
Các khoản điều chỉnh tăng	85,500,000	-
- Chi phí không hợp lệ	85,500,000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	8,520,125,594	8,917,398,806
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1,704,025,119</b>	<b>1,783,479,761</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42,227,836,366	27,643,069,092
Chi phí nhân công	5,561,117,113	2,838,261,080
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,808,242,952	1,270,226,835
Chi phí thuế và lệ phí	118,734,423	114,921,208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,484,133,275	2,227,236,419
Chi phí khác bằng tiền	553,628,151	531,930,110
	<b>53,753,692,280</b>	<b>34,625,644,744</b>

**27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4,255,259,378	-	4,117,333,209	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29,272,717,240	-	10,692,101,626	-
Đầu tư ngắn hạn	362,000,000	-	362,000,000	-
	<b>33,889,976,618</b>	<b>-</b>	<b>15,171,434,835</b>	<b>-</b>
			Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2020	01/01/2020		
	VND	VND		
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	37,293,783,381	38,297,474,284		
Phải trả người bán, phải trả khác	25,202,485,673	16,415,129,248		
Chi phí phải trả	1,166,112,141	1,333,902,017		
	<b>63,662,381,195</b>	<b>56,046,505,549</b>		

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4,255,259,378	-	-	4,255,259,378
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29,272,717,240	-	-	29,272,717,240
Đầu tư ngắn hạn	362,000,000	-	-	362,000,000
	<b>33,889,976,618</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>33,889,976,618</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4,117,333,209	-	-	4,117,333,209
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10,692,101,626	-	-	10,692,101,626
Đầu tư ngắn hạn	362,000,000	-	-	362,000,000
	<b>15,171,434,835</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>15,171,434,835</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>				
Vay và nợ	32,700,765,881	4,593,017,500	-	37,293,783,381
Phải trả người bán, phải trả khác	25,202,485,673	-	-	25,202,485,673
Chi phí phải trả	1,166,112,141	-	-	1,166,112,141
	<b>59,069,363,695</b>	<b>4,593,017,500</b>	<b>-</b>	<b>63,662,381,195</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Vay và nợ	30,700,225,094	7,597,249,190	-	38,297,474,284
Phải trả người bán, phải trả khác	16,415,129,248	-	-	16,415,129,248
Chi phí phải trả	1,333,902,017	-	-	1,333,902,017
	<b>48,449,256,359</b>	<b>7,597,249,190</b>	<b>-</b>	<b>56,046,505,549</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 17.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Quý II năm 2020</u>	<u>Quý II năm 2019</u>
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	62,701,749	-
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>			
Công ty TNHH Chế biến Nông sản thực phẩm Hồng Hà	Công ty con	5,757,525,838	28,843,504,489
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	-	67,432,820
Công ty Cổ phần Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan	Công ty con	11,389,151,900	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
		VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	7,398,270	-
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>			
Công ty TNHH Chế biến Nông sản Thực phẩm Hồng Hà	Công ty con	-	950,000,000
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty TNHH Chế biến Nông sản Thực phẩm Hồng Hà	Công ty con	3,476,798,422	-
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	358,750	358,750
Công ty Cổ phần Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan	Công ty con	1,621,067,090	-
<b>Người mua trả tiền trước</b>			
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	-	348,112,440



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Quý II năm 2020</u>	<u>Quý II năm 2019</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	90,561,052	49,851,354

**31 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 do Công ty lập.



Lại Thị Thu Hà  
Người lập



Nguyễn Xuân Trường  
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

